

Số: 15 /QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 01 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ  
trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Kinh Bắc**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh Bắc;  
Theo đề nghị của Phòng Quản lý đào tạo,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Kinh Bắc*”.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐT, BGH;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT./.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Văn Hòa

## QUY ĐỊNH

### Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Kinh Bắc

(Ban hành Kèm theo Quyết định số: 15 /QĐ-ĐHKB ngày 07 tháng 01 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về việc xem xét, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo khác hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác trong nước hoặc nước ngoài chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học tại Trường Đại học Kinh Bắc (sau đây gọi tắt là Trường).

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên các chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại Trường.

#### Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học/học phần (sau đây gọi chung là học phần) và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cấu trúc của chương trình đào tạo gồm hai khối: kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; mỗi khối kiến thức bao gồm nhóm các học phần, có học phần có nội dung phù hợp và đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Tín chỉ là đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định. Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng trên lớp và 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, trong đó một giờ lên lớp được tính bằng 50 phút.

3. Học phần là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo. Mỗi học phần trong chương trình đào tạo của Trường có khối lượng 3 tín chỉ, một số học phần đặc thù có thể nhiều hơn hoặc ít hơn 3 tín chỉ.

4. Đề cương học phần phản ánh số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần, nội dung lý thuyết và thảo luận/thực



hành, phương pháp giảng dạy, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

#### 5. Chứng chỉ:

- Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế được xét chuyên đổi tín chỉ bao gồm IELTS, TOEFL IBT, TOEIC và các chứng chỉ khác theo quy định của Trường.

- Chứng chỉ tin học quốc tế được xét chuyên đổi tín chỉ bao gồm IC3, MOS, ICDL và các chứng chỉ khác theo quy định của Trường.

- Chứng chỉ nghề nghiệp được xét chuyên đổi tín chỉ tại Trường là các chứng chỉ nghề nghiệp được cấp bởi các hiệp hội hoặc các tổ chức nghề nghiệp trong nước và quốc tế hoặc các tổ chức nghề nghiệp là đối tác đào tạo của Trường quy định theo từng chương trình đào tạo.

### **Điều 3. Điều kiện công nhận kết quả học tập và chuyên đổi tín chỉ**

a) Điều kiện, tiêu chí để công nhận kết quả và chuyên đổi tín chỉ theo từng học phần:

(i) Sinh viên đã tích lũy học phần hoặc nhóm học phần ở trình độ thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp có nội dung, khối lượng kiến thức (số tín chỉ/đơn vị học trình) tương đương hoặc cao hơn học phần hoặc nhóm học phần trong chương trình đào tạo đang học được xem xét để công nhận kết quả và chuyên đổi tín chỉ.

(ii) Học phần hoặc nhóm học phần chỉ được xem xét công nhận kết quả và chuyên đổi tín chỉ khi có điểm từ 5,0 (thang điểm 10) hoặc từ mức điểm D (thang điểm chữ) trở lên.

(iii) Chỉ xem xét bảng điểm của sinh viên đã được xác định rõ thời lượng đào tạo (số tiết/đơn vị học trình/tín chỉ); trường hợp chưa xác định rõ thì phải có xác nhận của cơ sở đào tạo nơi cấp bảng điểm về thời lượng được ghi trong bảng điểm.

b) Các chứng chỉ được công nhận kết quả và chuyên đổi tín chỉ phải đảm bảo còn hiệu lực theo quy định.

c) Trường hợp đặc biệt, do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Khoa, xin ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

### **Điều 4. Khối lượng, nội dung và giá trị chuyên đổi**

1. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyên đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập của chương trình đào tạo (không gồm khối lượng học tập các học phần Giáo dục AN-QP và Giáo dục thể chất).

#### 2. Quy đổi khối lượng học tập

- 01 tín chỉ = 15 giờ tín chỉ học trên lớp, 01 giờ tín chỉ = 50 phút

- 01 đơn vị học trình (ĐVHT) = 15 tiết học trên lớp, 01 tiết = 45 phút

Quy đổi khối lượng học tập về số tín chỉ của học phần như sau:

UG  
TRU  
ĐẠI  
INH

3 ĐVHT tương đương 2 tín chỉ

4 ĐVHT tương đương 3 tín chỉ

5 hoặc 6 ĐVHT tương đương 4 tín chỉ

Bằng hoặc lớn hơn 7 ĐVHT tương đương 5 tín chỉ

Trường hợp đặc biệt, do Hội đồng Khoa đề xuất, Hiệu trưởng quyết định.

### 3. Quy đổi kết quả học tập

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Đổi từ thang điểm chữ sang thang 10	
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0	9,5	9,3
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0	8,7	
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5	8,2	7,7
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0	7,5	
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5	6,7	6,2
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0	6,0	
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5	5,2	5,0
8	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0	4,7	

Nếu có 1 học phần hoặc nhiều học phần được xét miễn từ 2 học phần trở lên đã học thì điểm của học phần được xét miễn là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã học (*trọng số là số tín chỉ hoặc số đơn vị học trình của các học phần đã học*). Nếu có 2 học phần được xét miễn từ 1 học phần đã học thì điểm của các học phần được miễn là điểm của học phần đã học.

### 4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ với chứng chỉ quốc tế

a) Sinh viên có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế IELTS, TOEFL iBT, TOEIC được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo.

**Bảng 1: Bảng quy đổi điểm các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế**

TOEIC		TOEFL iBT	IELTS (điểm*/9)	Điểm quy đổi cho các học phần		
TOEIC (điểm* nghe/đọc/990)	TOEIC (điểm*nói-viết/400)			HP1	HP2	HP3
945-990	380	110-120	8.0-9.0	10	10	10
850-940	330	102-109	7.5	10	10	10
		94-101	7.0	10	10	10
800-845	310	79-93	6.5	10	10	10



730-795	290	60-78	6.0	10	9	8
600-725	270	46-59	5.5	10	9	

b) Sinh viên có chứng chỉ tin học quốc tế IC3, ICDL, MOS được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho học phần tin học (tin học đại cương hoặc tương đương) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo.

**Bảng 2: Bảng quy đổi điểm các chứng chỉ tin học quốc tế**

TT	Điểm IC3	Điểm MOS	Điểm ICDL	Điểm quy đổi
1	1990 - 2329	1400 - 1599	1350 - 1445	8
2	2330 - 2669	1600 - 1799	1446 - 1620	9
3	2670 - 3000	1800 - 2000	1621 - 1800	10

Trong đó:

(i) Điểm IC3 là tổng điểm của 3 mô đun IC3

(ii) Điểm MOS là tổng điểm của 2 mô đun bất kỳ trong 3 mô đun MOS

(iii) Điểm ICDL là tổng điểm của 5 mô đun ICDL

5. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất và một số học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương

a) Đối với học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh khi:

- Đã được cấp chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh khi học được một chương trình đào tạo.

- Có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp học viện, trường sĩ quan quân đội, công an.

- Đã được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ

- Là người nước ngoài

b) Đối với học phần Giáo dục thể chất khi:

- Đã hoàn thành học phần Giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao khi học một chương trình đào tạo.

- Đã tốt nghiệp từ trình độ trung cấp trở lên ngành/chuyên ngành thể dục – thể thao/Giáo dục thể chất/Huấn luyện thể thao/Quản lý thể dục thể thao.

c) Đối với học phần Tin học đại cương/hoặc tương đương khi có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp từ trình độ trung cấp trở lên ngành/chuyên ngành tin học, công nghệ thông tin;

- Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc nâng cao.

d) Đối với các học phần ngoại ngữ thuộc kiến thức giáo dục đại cương khi:

- Có chứng chỉ của các cơ sở được phép trong nước, còn hiệu lực:

Trình độ theo khung ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Điểm được công nhận
Bậc 3	7
Bậc 4	8
Bậc 5	9
Bậc 6	10

- Đã có bằng đại học, cao đẳng của chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng nước ngoài hoặc bằng đại học, cao đẳng ngành/chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài, phương pháp giảng dạy tiếng nước ngoài.

e) Người học được công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và miễn trừ các học phần lý luận chính trị khi có một trong các văn bằng sau: cao cấp lý luận chính trị, cử nhân chính trị, trung cấp lý luận chính trị.

6. Sinh viên được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ học phần nào thì được miễn học, miễn thi học phần đó.

7. Đối với trường hợp xin xét giảm tín chỉ học phần, người học phải cung cấp minh chứng có xác nhận của đơn vị đào tạo trước mà sinh viên đã tích lũy (đề cương chi tiết, kết quả học tập, ...) để làm căn cứ xét giảm tín chỉ học phần đó. Nếu được xét giảm tín chỉ, người học sẽ phải tham gia số tín chỉ còn lại của học phần theo quy định của Trường.

#### **Điều 5. Quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ**

(1) Sinh viên làm đơn hoặc theo kế hoạch của Nhà trường về việc xét công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ trong từng năm học.

(2) Tổ chức rà soát, xác thực, đối sánh và tổng hợp kết quả

(3) Hội đồng Khoa học xét công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ

(4) Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ sau khi Phòng QLĐT kiểm tra, rà soát.

(5) Thông báo kết quả tới sinh viên và cập nhật kết quả chuyển đổi

#### **Điều 6. Hội đồng xét công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ**

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa căn cứ các quy định, có trách nhiệm xem xét và đề xuất với Hiệu trưởng công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học.

#### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Hàng năm, căn cứ kế hoạch đào tạo, Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ chậm nhất 3 tuần sau khi bắt đầu khóa học.



2. Các Khoa có trách nhiệm tổ chức, triển khai, báo cáo Hội đồng Khoa, phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện các công việc liên quan trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học.

3. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Phòng QLĐT chịu trách nhiệm xác thực chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

4. Các Khoa, Phòng QLĐT, Phòng Khảo thí và ĐBCL chịu trách nhiệm công tác xác thực các chứng chỉ nghề nghiệp.

5. Kết quả công nhận và chuyển đổi tín chỉ được lưu trữ tại Phòng QLĐT, Phòng Khảo thí và ĐBCL, Phòng KHTC và các Khoa giống như các học phần.

### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Người học nếu từ chối kết quả công nhận và chuyển đổi tín chỉ học phần nào của Trường thì người học phải học và thi như những học phần khác. Nếu không đạt thì không được nhận lại kết quả mà Trường đã công nhận.

2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2021 trình độ đại học hệ chính quy.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần hoàn chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng QLĐT để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
KINH BẮC

TS. Nguyễn Văn Hòa

ĐÀO TẠO